



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 13

Ngày 15 tháng 02 năm 2018

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|-------------|---|----|
| 07-12-2017- | Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND về việc bãi bỏ văn bản. | 3 |
| 07-12-2017- | Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 129/2016/NQ-HĐND Ban hành Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 - 2021. | 11 |
| 07-12-2017- | Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ cho công chức, viên chức, nhân viên y tế công tác tại Trung tâm Y tế huyện Cần Giờ. | 29 |

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 07-12-2017- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND về thời hạn quyết toán ngân sách các cấp. 31
- 07-12-2017- Nghị quyết số 32/NQ-HĐND về điều chỉnh và thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 35
- 07-12-2017- Nghị quyết số 35/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2018. 57

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2017/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT **Về việc bãi bỏ văn bản**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ SÁU** **(Từ ngày 04 đến ngày 07 tháng 12 năm 2017)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 7267/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc bãi bỏ văn bản; Báo cáo thẩm tra số 703/BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Ban Pháp chế hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nay bãi bỏ 16 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và bãi bỏ một phần nội dung của 01 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố vì không còn

phù hợp với Luật phí và lệ phí (đính kèm Danh mục).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa IX, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

DANH MỤC
Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố ban hành
không còn phù hợp với Luật phí và lệ phí kiến nghị bãi bỏ
(Kèm Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017
của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu nội dung	Lý do bãi bỏ	Thuộc lĩnh vực quản lý
I. BÃI BỎ TOÀN BỘ 16 NGHỊ QUYẾT					
1	Nghị quyết	09/2007/NQ-HĐND 05/7/2007	Về việc ban hành mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn Thành phố	Bãi bỏ vì mức thu này đã được ban hành mới kèm Nghị quyết 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân thành phố	Sở Tư pháp
2	Nghị quyết	27/2009/NQ-HĐND 11/12/2009	Về thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Bãi bỏ vì mức thu này đã được ban hành kèm Nghị quyết 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	Nghị quyết	33/2009/NQ-HĐND 09/12/2009	Về thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Bãi bỏ vì mức thu này đã được ban hành kèm Nghị quyết 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường
4	Nghị quyết	35/2009/NQ-HĐND 09/12/2009	Về việc thu phí tham quan Khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi	Bãi bỏ vì mức thu này đã được ban hành kèm Nghị quyết 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân thành phố	Sở Văn hóa và Thể thao

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu nội dung	Lý do bãi bỏ	Thuộc lĩnh vực quản lý
5	Nghị quyết	37/2009/NQ-HĐND 09/12/2009	Về việc thu lệ phí chứng minh nhân dân và lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Bãi bỏ vì mức thu này đã được ban hành kèm Nghị quyết 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân thành phố	Công an Thành phố
6	Nghị quyết	10/2010/NQ-HĐND 08/10/2010	Về thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Bãi bỏ vì mức thu này đã được ban hành kèm Nghị quyết 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường
7	Nghị quyết	32/2011/NQ-HĐND 07/12/2011	Về thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Bãi bỏ vì mức thu này đã được ban hành kèm Nghị quyết 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường
8	Nghị quyết	27/2013/NQ-HĐND 10/12/2013	Về ban hành mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và tỷ lệ phần trăm trích để lại cho cơ quan thu phí, lệ phí về giao dịch bảo đảm thuộc ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Bãi bỏ vì mức thu này đã được ban hành kèm Nghị quyết 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân thành phố	Sở Tư pháp

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu nội dung	Lý do bãi bỏ	Thuộc lĩnh vực quản lý
9	Nghị quyết	17/2015/NQ-HĐND 09/12/2015	Về mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Bãi bỏ vì mức thu này đã được ban hành kèm Nghị quyết 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân thành phố	Sở Xây dựng
10	Nghị quyết	19/2007/NQ-HĐND 07/12/2007	Về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Bãi bỏ vì: - Theo Luật phí và lệ phí, nội dung này không thuộc thẩm quyền ban hành của Thành phố, thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ; - Chính phủ đã ban hành Nghị định 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, trong đó có quy định mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.	Sở Tài nguyên và Môi trường
11	Nghị quyết	21/2010/NQ-HĐND 08/12/2010	Về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Bãi bỏ vì: - Theo Luật phí và lệ phí, nội dung này không thuộc thẩm quyền ban hành của Thành phố, thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ; - Chính phủ đã ban hành Nghị định 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, trong đó có quy định mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.	Sở Tài nguyên và Môi trường
12	Nghị quyết	01/2015/NQ-HĐND 29/7/2015	Về phương án thu lệ phí cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm biển số phương tiện cơ giới đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Bãi bỏ vì: - Theo Luật phí và lệ phí, nội dung này không thuộc thẩm quyền ban hành của Thành phố, thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Tài chính; - Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 229/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trong	Công an Thành phố

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu nội dung	Lý do bãi bỏ	Thuộc lĩnh vực quản lý
				đó có quy định mức thu lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông.	
13	Nghị quyết	08/2009/NQ-HĐND 09/7/2009	Về việc thu phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ trên địa bàn Thành phố	Bãi bỏ vì: - Theo quy định của Luật phí và lệ phí thì phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ không còn được quy định trong Danh mục phí, lệ phí và Danh mục các sản phẩm, dịch vụ chuyên từ phí sang giá dịch vụ do nhà nước định giá; - Căn cứ pháp lý ban hành văn bản đã hết hiệu lực thi hành.	Công an Thành phố
14	Nghị quyết	03/2012/NQ-HĐND 01/03/2012	Về việc tăng phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ trên địa bàn thành phố	Bãi bỏ vì: - Theo quy định của Luật phí và lệ phí thì phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ không còn được quy định trong Danh mục phí, lệ phí và Danh mục các sản phẩm, dịch vụ chuyên từ phí sang giá dịch vụ do nhà nước định giá; - Căn cứ pháp lý ban hành văn bản đã hết hiệu lực thi hành.	Công an Thành phố
15	Nghị quyết	31/2014/NQ-HĐND 30/12/2014	Về tổ chức thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Bãi bỏ vì: - Nội dung văn bản quy định thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô không phù hợp với thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ. Thông tư này quy định xe mô tô không phải là đối tượng chịu phí; - Theo quy định của Luật phí và lệ phí thì phí sử dụng đường bộ do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với đường thuộc địa phương quản lý, Bộ Tài chính quy định đối với đường thuộc trung ương quản lý. Tuy nhiên, Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định: “Hội đồng nhân	Sở Giao thông vận tải

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu nội dung	Lý do bãi bỏ	Thuộc lĩnh vực quản lý
				<i>dân cấp tỉnh không quy định thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự theo quy định tại Nghị định số 28/2016/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 4 năm 2014 và Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ”.</i>	
16	Nghị quyết	10/2008/NQ-HĐND 05/12/2008	Về phí và lệ phí trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	<p>Bãi bỏ vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo Luật phí và lệ phí, nội dung về thu lệ phí trước bạ đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (Khoản 3 Điều 1), thu phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn thông thường (Khoản 4 Điều 1) không thuộc thẩm quyền ban hành của Thành phố; Thuộc Danh mục các sản phẩm, dịch vụ chuyển từ phí sang giá dịch vụ do nhà nước định giá; - Nghị quyết 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố, đã thông qua Tờ trình số 6907/TTr-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố, trong đó có lệ phí đăng ký kinh doanh và lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam - Về chính sách thí điểm chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Nghị Quyết này đã thông qua Tờ trình số 7303/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2008, UBND Thành phố ban hành Quyết định 102/2008/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2008. Tuy nhiên, Quyết định này đã bị thay thế bởi Quyết định 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2009; Nội dung quy định không còn phù hợp với Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về 	Sở Tài chính

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu nội dung	Lý do bãi bỏ	Thuộc lĩnh vực quản lý
				chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.	
II. BÃI BỎ MỘT PHẦN 01 NGHỊ QUYẾT					
1	Nghị quyết	14/2004/NQ-HĐ 16/7/2004	Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2004	<p>Nội dung kiến nghị bãi bỏ: <i>“Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận phương án 1 về mức thu như đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố; đồng ý tỷ lệ để lại đơn vị cấp nước 1%, phường-xã 15% và phải thực hiện đúng mục đích chi”</i> (tại Khoản 7.2 Mục 7 phần II của Nghị quyết).</p> <p>Lý do kiến nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo Luật phí và lệ phí, nội dung quy định tại phương án thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt (Khoản 7.2 Mục 7 phần II) không thuộc thẩm quyền ban hành của Thành phố, thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ; - Chính phủ đã ban hành Nghị định 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, trong đó có quy định mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt. 	Sở Tài nguyên và Môi trường

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 27/2017/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 129/2016/NQ-HĐND Ban hành Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 - 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ SÁU (Từ ngày 04 đến ngày 07 tháng 12 năm 2017)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước;

Xét Tờ trình số 696/TTr-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 129/2016/NQ-HĐND Ban hành Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 - 2021; Công văn thẩm định số 19427/STP-KTrVB ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Sở Tư pháp; Báo cáo thẩm tra số 715 /BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2017

của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Thống nhất sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 129/2016/NQ-HĐND Ban hành Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 - 2021 theo nội dung đề xuất tại Tờ trình số 696/TTr-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp nào thì được hưởng hoạt động phí cấp đó; hưởng một lần với mức cao nhất đối với các nội dung chi: trang phục (lễ phục), chăm sóc sức khỏe định kỳ hàng năm, chế độ tài liệu.

Điều 2.

1. Các khoản chi của từng cấp Hội đồng nhân dân do ngân sách cùng cấp đảm bảo và được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của từng cấp Hội đồng nhân dân.

2. Các khoản chi không sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 được thực hiện theo Nghị quyết số 129/2016/NQ - HĐND và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3.

Hội đồng nhân dân các cấp áp dụng Nghị quyết này từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 (kèm theo phụ lục sửa đổi, bổ sung).

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

QUY ĐỊNH

Về chế độ, định mức chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp

Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 - 2021 (sửa đổi, bổ sung)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017

của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp			Ghi chú
			Thành phố	Cấp Huyện	Cấp xã	
I	Chế độ tiền lương					
	Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội được chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ	Mức lương cơ sở/ngày	0,14	0,12	0,10	Sửa đổi bổ sung
	- Hoạt động phí của Đại biểu Hội đồng nhân dân (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách).	Mức lương cơ sở/tháng	0,5	0,4	0,3	

II	Chi cho công tác thẩm tra nghị quyết của Hội đồng nhân dân					
1	Xây dựng các báo cáo thẩm tra về: báo cáo, đề án, tờ trình dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân					
1.1	Nội dung có độ phức tạp liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực cơ chế chính sách, quy hoạch, dự toán, quyết toán ngân sách, kinh tế xã hội.					
	Đối với cơ quan chủ trì thẩm tra	đồng/báo cáo	3.000.000	1.800.000	1.000.000	
	Đối với cơ quan phối hợp thẩm tra (chi soạn thảo báo cáo tham gia thẩm tra)	đồng/báo cáo	2.000.000	1.200.000	700.000	
1.2	Thẩm tra các nội dung còn lại					
	Đối với cơ quan chủ trì	đồng/báo cáo	2.000.000	1.200.000	700.000	
	Đối với cơ quan phối hợp thẩm tra (chi soạn thảo báo cáo tham gia thẩm tra)	đồng/báo cáo	1.000.000	600.000	350.000	
2	Tổ chức các cuộc họp thẩm tra, góp ý báo cáo thẩm tra					
	Bồi dưỡng nghiên cứu tài liệu	đồng/người/ nội dung thẩm tra	400.000	250.000	150.000	
	Người chủ trì	đồng/người/ buổi	200.000	120.000	70.000	
	Bồi dưỡng đại biểu dự họp	đồng/người/ buổi	100.000	60.000	35.000	
	Cán bộ phục vụ trực tiếp	đồng/người/ buổi	50.000	30.000	20.000	
3	Chi cho chuyên gia viết bài tham luận, góp ý phục vụ công tác thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo					

	nghị quyết (bằng văn bản)					
	Nội dung có độ phức tạp cao, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực: cơ chế chính sách, quy hoạch, dự toán, quyết toán ngân sách, kinh tế xã hội	đồng/người/ văn bản góp ý	800.000	500.000	300.000	
	Các nội dung còn lại	đồng/người/ văn bản góp ý	400.000	250.000	150.000	
4	Chi cho việc viết báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/người/ văn bản	800.000	500.000	300.000	
5	Chi cho công việc theo dõi, tập hợp, tổng hợp và phân loại ý kiến kết luận tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	400.000	250.000	150.000	
6	Chi cho công việc hoàn thiện báo cáo, đề án, nghị quyết	đồng/văn bản	1.500.000	900.000	550.000	
7	Chi cho công tác xây dựng Chương trình, kế hoạch, báo cáo công tác nhiệm kỳ, hàng năm trình HĐND					Sửa đổi, bổ sung
	Chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm của Thường trực HĐND.	đồng/văn bản	2.000.000	1.200.000	700.000	
	Chi xây dựng báo cáo định kỳ, tờ trình của Thường trực HĐND trình HĐND.	đồng/văn bản	1.000.000	600.000	350.000	
III	Chi lấy ý kiến tham gia các dự án luật của Quốc hội; các đề án, kế hoạch, dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân (đối với nội dung cần xin ý kiến do Thường trực HĐND quyết định)					
1	Chi cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu góp ý					
1.1	Dự án luật mới					

	Chi đối với tổ chức, chuyên gia	đồng/văn bản	1.000.000	600.000	350.000	
	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân (tối đa không quá 3 lần/người/dự án luật)	đồng/người/lần	300.000	180.000	100.000	
1.2	Dự án luật sửa đổi, bổ sung					
	Chi đối với tổ chức, chuyên gia	đồng/văn bản	1.000.000	600.000	350.000	
	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân (tối đa không quá 3 lần/người/dự án luật)	đồng/người/lần	300.000	180.000	100.000	
1.3	Đề án, kế hoạch, dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân					
	Chi đối với chuyên gia	đồng/văn bản	1.000.000	600.000	350.000	
	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân (tối đa không quá 3 lần/người/văn bản)	đồng/người/lần	300.000	180.000	100.000	
2	Tổ chức họp góp ý kiến					
	Viết bài tham luận	đồng/người/bài	500.000	300.000	180.000	
	Người chủ trì	đồng/người/buổi	200.000	120.000	70.000	
	Bồi dưỡng đại biểu dự họp	đồng/người/buổi	100.000	60.000	40.000	
	Cán bộ phục vụ trực tiếp	đồng/người/buổi	80.000	50.000	30.000	

	Cán bộ phục vụ gián tiếp	đồng/người/ buổi	50.000	30.000	20.000	
3	Viết báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào dự án luật; góp ý đề án, kế hoạch, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.	đồng/báo cáo	800.000	500.000	300.000	
IV	Chi cho công tác giám sát, khảo sát					
1	Đoàn giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân					
1.1	Chi xây dựng các văn bản					
	Xây dựng quyết định thành lập đoàn giám sát, khảo sát xây dựng nội dung kế hoạch giám sát	đồng/văn bản/đợt	300.000	180.000	100.000	
	Xây dựng đề cương giám sát	đồng/văn bản/đợt	1.000.000	600.000	350.000	
	Xây dựng báo cáo tổng hợp, thông báo kết quả sau đợt giám sát, khảo sát	đồng/báo cáo/đợt	1.000.000	600.000	350.000	
1.2	Chi tổ chức cuộc họp					
	Trưởng đoàn (người chủ trì cuộc họp)	đồng/người/ buổi	200.000	120.000	70.000	
	Bồi dưỡng đại biểu dự họp	đồng/người/ buổi	100.000	60.000	35.000	
	Chi cán bộ phục vụ trực tiếp	đồng/người/ buổi	50.000	30.000	20.000	
	Chi cán bộ phục vụ gián tiếp (lái xe, tạp vụ...)	đồng/người/ buổi	50.000	30.000	20.000	

2	Đoàn giám sát, khảo sát của các Ban Hội đồng nhân dân và các Tổ đại biểu					
2.1	Chi xây dựng các văn bản					
	Xây dựng quyết định, kế hoạch thực hiện giám sát khảo sát	đồng/văn bản/đợt	300.000	180.000	100.000	
	Chi bồi dưỡng xây dựng báo cáo, thông báo kết quả sau đợt giám sát, khảo sát	đồng/báo cáo/đợt	1.000.000	600.000	350.000	
2.2	Chi tổ chức cuộc họp					
	Trưởng đoàn (người chủ trì cuộc họp)	đồng/người/buổi	150.000	90.000	55.000	
	Thành viên chính thức đoàn giám sát, khảo sát, khách mời	đồng/người/buổi	100.000	60.000	35.000	
	Chi cán bộ phục vụ trực tiếp đoàn khảo sát, giám sát	đồng/người/buổi	50.000	30.000	20.000	
	Chi cán bộ phục vụ gián tiếp (lái xe, tạp vụ...)	đồng/người/buổi	50.000	30.000	20.000	
3	Hỗ trợ tiền ăn trưa khi thực hiện giám sát tại các huyện của thành phố.	đồng/người	50.000			
4	Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố					Sửa đổi, bổ sung
4.1	Chi cho việc xây dựng văn bản					
	Xây dựng kế hoạch chi tiết phiên giải trình	đồng/kế hoạch	200.000	120.000	70.000	
	Xây dựng báo cáo tổng hợp Kết quả giải trình	đồng/báo	1.000.000	600.000	350.000	

		cáo				
4.2	Chi phiên họp					
	Trưởng đoàn (người chủ trì cuộc họp)	đồng/người/ buổi	150.000	90.000	55.000	
	Đại biểu Hội đồng nhân dân phổ và khách mời	đồng/người/ buổi	100.000	60.000	35.000	
	Cán bộ, công chức phục vụ trực tiếp phiên họp	đồng/người/ buổi	80.000	50.000	30.000	
	Cán bộ, công chức và người lao động phục vụ gián tiếp phiên họp	đồng/người/ buổi	50.000	30.000	20.000	
5	Chi cho hoạt động chất vấn tại kỳ họp					Sửa đổi, bổ sung
	- Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến chất vấn	đồng/báo cáo	1.000.000	600.000	350.000	
	- Xây dựng Nghị quyết về chất vấn	đồng/Nghị quyết	2.000.000	1.200.000	700.000	
V	Chi tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân					
1	Tổ chức tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp					Sửa đổi, bổ sung
1.1	Chi hỗ trợ để tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân nhằm trang trải cho những chi phí cần thiết như: trang trí, nước uống, thuê địa điểm, bảo vệ và các khoản khác.					
	- Quận, huyện và phường, xã, thị trấn có 1 đơn vị	đồng/quận, huyện,	6.000.000	3.600.000	2.000.000	

		phường, xã, thị trấn/năm				
	- Quận, huyện và phường, xã, thị trấn có 2 đơn vị	đồng/quận, huyện, phường, xã, thị trấn/năm	12.000.00 0	7.200.000		Sửa đổi, bổ sung
1.2	Chi bồi dưỡng					
	Đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/đại biểu/năm	4.500.000	2.700.000	1.600.000	
	Cán bộ, công chức tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri	đồng/người/ đợt	200.000	120.000	70.000	
1.3	Chi xây dựng báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, tiếp xúc cử tri	đồng/báo cáo/đợt	500.000	300.000	180.000	
1.4	Chi báo cáo của Ủy ban nhân dân về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri.	đồng/báo cáo/đợt	1.000.000	600.000	350.000	
2	Tổ chức tiếp xúc cử tri chuyên đề, theo ngành, giới của Thường trực HĐND					Sửa đổi, bổ sung
2.1	Chi hỗ trợ các đơn vị phối hợp thực hiện nhằm trang trải cho những chi phí cần thiết như: trang trí, nước uống, thuê địa điểm, bảo vệ và các khoản khác.	đồng/cuộc	5.000.000	3.000.000	1.750.000	
2.2	Chi dự họp					
	Đại biểu Hội đồng nhân dân tham dự	đồng/cuộc	100.000	60.000	35.000	
	Cán bộ, công chức và người lao động tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri	đồng/cuộc	50.000	30.000	20.000	

2.3	Chi xây dựng báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến tiếp xúc cử tri	Đồng/Báo cáo	300.000	180.000	100.000	
VI	Chi tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân					
1	Chi tiếp công dân					
	Đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân	đồng/người/ buổi	150.000	90.000	55.000	
	Đại diện lãnh đạo cơ quan được phân công tiếp công dân	đồng/người/ buổi	100.000	60.000	35.000	
	Cán bộ, công chức tham mưu, phục vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân	đồng/người/ buổi	50.000	30.000	20.000	
2	Tổ đại biểu báo cáo tình hình và kết quả tiếp công dân	đồng/báo cáo	200.000	120.000	70.000	
VII	Chi phục vụ kỳ họp					
1	Chi cho kỳ họp Hội đồng nhân dân					
1.1	Chủ tọa kỳ họp	đồng/người/ ngày	200.000	120.000	70.000	
1.2	Thư ký kỳ họp	đồng/người/ ngày	150.000	90.000	55.000	
1.3	Chuyên viên tổng hợp ý kiến thảo luận tổ	đồng/người/ ngày	100.000	60.000	35.000	
1.4	Chi tiền nước uống phục vụ kỳ họp	đồng/người/ ngày	70.000	30.000	30.000	
1.5	Chi hỗ trợ cho đại biểu Hội đồng nhân dân và đại	đồng/người/	100.000	60.000	35.000	

	biểu mời dự kỳ họp Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, phóng viên báo đài trực tiếp phục vụ kỳ họp (kể cả họp thường kỳ, bất thường, chuyên đề).	ngày					
1.6	Chi hỗ trợ cho lái xe của đại biểu Hội đồng nhân dân và các bộ phận phục vụ gián tiếp cho kỳ họp.	đồng/người/ ngày	50.000	30.000	20.000		
1.7	Các khoản chi khác đối với đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời và cán bộ, công chức Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố (chế độ giải khát tại kỳ họp, chế độ nghỉ trưa, chế độ làm việc vào ngày nghỉ, ngày lễ và các chế độ khác): Mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hàng năm nhưng không vượt quá mức chi phục vụ kỳ họp Quốc hội hàng năm			-	-		
2	Chi cho Hội nghị Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh khu vực miền Đông Nam Bộ do thành phố đăng cai tổ chức						
2.1	Chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, đại biểu khách mời; chế độ phòng nghỉ theo quy định chế độ hiện hành.	đồng/người/ ngày	150.000	-	-		
2.2	Chi cho cán bộ, công chức trực tiếp phục vụ hội nghị.	đồng/người/ ngày	100.000	-	-		
2.3	Các khoản chi khác phục vụ hội nghị do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định						
3	Chi tổ chức Hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân với các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, họp Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố, họp Thường trực HĐND - UBND - UB.MTTQ, họp Thường trực HĐND, hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố với Thường trực Hội đồng nhân dân quận - huyện và phường - xã, họp các Ban của HĐND						Sửa đổi, bổ sung
3.1	Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời.	đồng/người/ ngày	100.000	60.000	35.000		
3.2	Cán bộ, công chức, phóng viên báo đài.	đồng/người/ ngày	50.000	30.000	20.000		

4	Chi cho hội nghị chuyên đề của Hội đồng nhân dân					Sửa đổi, bổ sung
4.1	Chủ tọa hội nghị	đồng/người/ ngày	200.000	120.000	70.000	
4.2	Thư ký hội nghị	đồng/người/ ngày	150.000	90.000	55.000	
4.3	Đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời	đồng/người/ ngày	100.000	60.000	35.000	
4.4	Cán bộ, công chức, phóng viên báo đài trực tiếp phục vụ	đồng/người/ ngày	50.000	30.000	20.000	
4.5	Các báo cáo tham luận của chuyên gia (nếu có) bằng văn bản	đồng/bài.	500.000	300.000	200.000	
VIII	Chi cho công tác xã hội					
1	Chế độ thăm hỏi ốm đau					
1.1	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm					
1.1.1	Đại biểu Hội đồng nhân dân khi bị ốm đau được chi tiền thăm hỏi (không quá 02 lần/năm). Cán bộ, công chức Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố được hưởng các chế độ thăm hỏi ốm đau, thăm viếng, trợ cấp khó khăn đột xuất.	đồng/trường hợp	1.000.000	600.000	350.000	
1.1.2	Khi bị bệnh hiểm nghèo có thể chi tối đa đồng/trường hợp và các trường hợp khác do Chủ tịch Hội đồng nhân dân quyết định (không quá 2 lần/người/năm)	đồng/trường hợp	5.000.000	3.000.000	1.800.000	
1.2	Chi thăm hỏi ốm đau, thăm viếng các vị nguyên là Thường trực, Trưởng, phó Ban chuyên trách Hội	đồng/trường hợp	1.000.000	600.000	350.000	

	đồng nhân dân thành phố, Chánh, Phó Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố, lãnh đạo các Sở, ban-ngành và tương đương đã nghỉ hưu (không quá 02 lần/năm): vòng hoa, trái cây thanh toán theo thực tế và chi hỗ trợ.					
	Khi bị bệnh hiểm nghèo và các trường hợp khác do Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.	đồng/trường hợp	Tối đa 5.000.000	Tối đa 3.000.000	Tối đa 1.800.000	
2	Chi thăm viếng					
2.1	Chi phúng viếng	đồng/trường hợp				
	Đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm từ trần được phúng viếng và hỗ trợ mai táng phí	đồng/trường hợp	2.000.000	1.200.000	700.000	
	Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng); con đẻ, con nuôi hợp pháp của đại biểu Hội đồng nhân dân từ trần được trợ cấp	đồng/trường hợp	2.000.000	1.200.000	700.000	Sửa đổi, bổ sung
	Đối với các vị nguyên là Thường trực Hội đồng nhân dân, đại biểu chuyên trách của Hội đồng nhân dân	đồng/trường hợp	1.000.000	600.000	350.000	Sửa đổi, bổ sung
	Đại biểu Hội đồng nhân dân nếu từ trần mà người lo mai táng không đủ Điều kiện hưởng trợ cấp mai táng từ Quỹ bảo hiểm xã hội hoặc không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp mai táng từ ngân sách nhà nước thì được hưởng một lần trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở do Hội đồng nhân dân cấp đó chi trả từ ngân sách nhà nước	đồng/đại biểu	10 lần mức lương cơ sở			Sửa đổi, bổ sung
2.2	Hoa viếng thực hiện cho các đối tượng theo mục 2.1		Thanh toán theo thực tế			Sửa đổi, bổ sung

3	Ngoài các chế độ khám, chăm sóc sức khỏe theo qui định (nếu có), đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ hằng năm theo mức khoán	đồng/người/ năm	4.000.000	4.000.000	4.000.000	Sửa đổi, bổ sung
IX	Chế độ chi may trang phục (lễ phục)					
1	- Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp tiền may trang phục (lễ phục) hai lần.	đồng/người/ lần	5.000.000	5.000.000	5.000.000	
2	- Cán bộ, công chức, viên chức thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố trực tiếp phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố được cấp tiền may trang phục (lễ phục) một lần trong nhiệm kỳ.	đồng/người/ lần	5.000.000	-	-	
X	Chế độ khác					
1	Trong nhiệm kỳ, mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân được trang bị thiết bị công nghệ thông tin. Khi thực hiện chế độ này, phải lập đề án hoặc dự toán cụ thể theo quy định về mua sắm tài sản công.	01 thiết bị/người/lần	(chỉ áp dụng ở cấp Thành phố)			Sửa đổi, bổ sung
2	Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân tích cực hoạt động trong nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân; đối tượng khen thưởng do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố đề nghị vào cuối nhiệm kỳ, mức chi theo quy định hiện hành.		Thực hiện theo quy định về thi đua khen thưởng hiện hành			
3	Đại biểu Hội đồng nhân dân không hưởng (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ Bảo hiểm xã hội được hưởng chế độ Bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật về Bảo hiểm y tế. Hội đồng nhân dân nơi đại biểu đang sinh		Thanh toán theo thực tế			Sửa đổi, bổ sung

	hoạt có trách nhiệm chi trả kinh phí bảo hiểm y tế.					
4	Chế độ chi tổ chức các hội nghị của Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân					
	Chủ trì hội nghị	đồng/người/ buổi	200.000	120.000	70.000	
	Bồi dưỡng đại biểu, khách mời	đồng/người/ buổi	100.000	60.000	35.000	
	Cán bộ, công chức, phóng viên báo đài	đồng/người/ buổi	50.000	30.000	20.000	
	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời	đồng/người/ buổi	100.000	60.000	35.000	
5	Chi thực hiện Chương trình Lắng nghe và trao đổi của Hội đồng nhân dân thành phố					Sửa đổi, bổ sung
5.1	Chi hỗ trợ cho cử tri tham dự khi tổ chức chương trình tại Đài truyền hình thành phố: + Ngày Tổng dợt + Ngày Chính thức	đồng/người /buổi	50.000 100.000			
5.2	Chi hỗ trợ để tổ chức chương trình tại cơ sở					
	Chi hỗ trợ cho cơ sở bố trí địa điểm thực hiện (trang trí, nước uống và phục vụ...):	Đồng/chương trình	10.000.00 0			
	- Chi hỗ trợ cho đại biểu HĐND, khách mời tham dự, cử tri, cán bộ công chức phục vụ: + Ngày Tổng dợt + Ngày Chính thức	đồng/người /buổi	50.000 100.000			

6	Chi hỗ trợ hoạt động của Tổ Đại biểu					
	Tổ đại biểu có 1 đơn vị	đồng/Tổ/qu ý	2.000.000	1.200.000		Sửa đổi, bổ sung
	Tổ đại biểu có 2 đơn vị	đồng/Tổ/qu ý	4.000.000	2.400.000		Sửa đổi, bổ sung
7	Đại biểu Hội đồng nhân dân được cung cấp tài liệu:					Sửa đổi, bổ sung
7.1	Công báo, báo Nhân dân, phí khai thác internet theo mức khoán	đồng/người /tháng	700.000	400.000	250.000	
7.2	Báo Đại biểu nhân dân được chuyển trực tiếp đến từng đại biểu Hội đồng nhân dân	Thanh toán theo thực tế				
8	Chi xây dựng kỷ yếu nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân và tặng quà lưu niệm cho đại biểu Hội đồng nhân dân khi kết thúc nhiệm kỳ.	đồng/người	TT. HĐND quyết định	Không quá 1.000.000	Không quá 500.000	
9	Cán bộ, công chức, người lao động công tác tại Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm với mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định (chỉ áp dụng cấp Thành phố)					
10	Chi cho chuyên gia được mời làm cộng tác viên, do Thường trực Hội đồng nhân dân yêu cầu, tùy theo nội dung, chất lượng và tính cấp thiết của chuyên đề (chuyên đề không phức tạp, chuyên đề lớn, chuyên đề phức tạp). Mức chi cụ thể sẽ do Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.	đồng/chuyên gia/chuyên đề	2.000.000	-	-	
11	Chi trao đổi học tập kinh nghiệm về hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, của các Ban của Hội	Ngoài tiền thuê phòng nghỉ, phụ cấp lưu trú theo		Áp dụng theo Thông tư số		Sửa đổi, bổ sung

	đồng nhân dân trong nước	quy định hiện hành còn hỗ trợ thêm <u>150.000đồng/người/ngày</u> (các mức chi khác do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định). Các ngày tham dự hội nghị, ngày đi công tác đã được thanh toán tiền ăn thì không được thanh toán phụ cấp lưu trú (kinh phí hỗ trợ tiền ăn và tiêu vật)	40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị.	
12	Chi tổ chức đoàn trao đổi, nghiên cứu kinh nghiệm về hoạt động Hội đồng nhân dân tại nước ngoài: Theo kế hoạch, đề án cụ thể được Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt.			
13	Các chế độ công tác phí phục vụ cho chi tiếp khách trong và ngoài nước của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ, chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 28/2017/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về chính sách hỗ trợ cho công chức, viên chức, nhân viên y tế công tác tại Trung tâm Y tế huyện Cần Giờ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ SÁU
(Từ ngày 04 đến ngày 07 tháng 12 năm 2017)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 6742/TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đề xuất thực hiện trợ cấp khuyến khích tùy theo trình độ chuyên môn cho công chức, viên chức, nhân viên y tế đang công tác tại Trung tâm Y tế huyện Cần Giờ; Báo cáo thẩm tra số 698/BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thực hiện chính sách hỗ trợ cho công chức, viên chức, nhân viên y tế công tác tại Trung tâm Y tế huyện Cần Giờ như sau:

1. Mức hỗ trợ:

- a) Trình độ sau đại học (chuyên khoa I, thạc sĩ, chuyên khoa II, tiến sĩ): 1.500.000 đồng/người/tháng.
- b) Trình độ đại học: 900.000 đồng/người/tháng.
- c) Trình độ cao đẳng: 550.000 đồng/người/tháng.
- d) Trình độ trung cấp: 450.000 đồng/người/tháng.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Giao Ủy ban nhân dân thành phố cân đối ngân sách thành phố hàng năm cấp cho sự nghiệp y tế huyện Cần Giờ để thực hiện các chế độ hỗ trợ nêu trên.

3. Thời gian thực hiện: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và Hội đồng nhân dân các quận, huyện giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 26/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về thời hạn quyết toán ngân sách các cấp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ SÁU
(từ ngày 04 đến ngày 07 tháng 12 năm 2017)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 6579/TTr-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc quy định thời hạn quyết toán ngân sách các cấp thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Báo cáo thẩm tra số 717/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định về thời hạn thực hiện công tác quyết toán ngân sách các cấp thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố (theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết

này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Phụ lục

**Thời hạn quyết toán ngân sách các cấp thuộc thẩm quyền
của Hội đồng nhân dân thành phố**

*(Đính kèm Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017
của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

STT	Nội dung	Thời hạn
I	Quyết toán ngân sách phường, xã, thị trấn (cấp xã)	
1	Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo quyết toán cho Ban Kinh tế - Xã hội của Hội đồng nhân dân cấp xã để thẩm tra, đồng thời gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.	trước ngày 01/4 năm sau
2	Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo quyết toán cho Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã cho ý kiến	trước ngày 15/4 năm sau
3	Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, phê chuẩn	trước ngày 01/5 năm sau
II	Quyết toán ngân sách quận, huyện (cấp huyện)	
1	Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo quyết toán cho Ban Kinh tế - Xã hội của Hội đồng nhân dân cấp huyện để thẩm tra, đồng thời gửi Sở Tài chính	Trước ngày 15/6 năm sau
2	Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo quyết toán cho Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện cho ý kiến	Trước ngày 01/7 năm sau
3	Hội đồng nhân dân cấp huyện xem xét, phê chuẩn	Trước ngày 15/7 năm sau
III	Quyết toán ngân sách cấp thành phố	
1	Ủy ban nhân dân thành phố gửi báo cáo quyết toán cho Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân thành phố để thẩm tra, đồng thời gửi Bộ Tài chính	Trước ngày 15/11 năm sau

2	Ủy ban nhân dân thành phố gửi báo cáo quyết toán cho Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố cho ý kiến	Trước ngày 15/11 năm sau
---	---	--------------------------

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh và thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất;
dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ,
đất rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ SÁU
(Từ ngày 04 đến ngày 07 tháng 12 năm 2017)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Xét Tờ trình số 7249/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc xét điều chỉnh và thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra số 724/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2017 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh và thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

- Danh mục 1: 184 công trình, dự án cần thu hồi đất đăng ký năm 2018.

- Danh mục 2: 45 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 hecta đăng ký năm 2018 và 09 quận, huyện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình, cá nhân đăng ký năm 2018 (gồm: Quận 2, Quận 9, quận Thủ Đức, quận Bình Tân, huyện Nhà Bè, huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn, huyện Củ Chi, huyện

Cần Giờ).

- Danh mục 3: 01 dự án chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ dưới 20 hecta đăng ký năm 2018.

- Danh mục 4: 03 dự án điều chỉnh diện tích thu hồi đất của các dự án được thông qua tại Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 9 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX theo kết quả đo đạc thực tế.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trước khi ban hành Quyết định thu hồi đất của từng dự án cụ thể, Ủy ban nhân dân thành phố cần yêu cầu chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước cam kết về thời gian, tiến độ thực hiện dự án đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công, không làm tăng tổng mức đầu tư dự án nhằm tránh gây lãng phí; đối với dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước, chủ đầu tư phải có trách nhiệm cam kết phối hợp thực hiện bồi thường theo đúng tiến độ. Đảm bảo chặt chẽ thủ tục, pháp lý theo quy định trước khi thực hiện thu hồi đất.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX phối hợp với Hội đồng nhân dân các quận, huyện giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

DANH MỤC 4

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH THU HỒI ĐẤT TRONG NGHỊ QUYẾT SỐ 122/NQ-HĐND NGÀY 09/12/2016

(Đính kèm Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)			Địa điểm khu đất			Pháp lý dự án điều chỉnh	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Diện tích loại đất sau CMB (ha)
			Dự án	Thu hồi Theo NQ 122/NQ-HĐND	Điều chỉnh Thu hồi	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích (ha)	Loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
QUẬN 9												
1	Xây dựng mới cầu Ông Nhiêu	Khu Quản lý Giao thông đô thị số 2	2,23	1,50	2,23	BĐVT số 22/HĐ-KQL2-QLDA2 do TTĐĐBBĐ lập được STNMT duyệt ngày 08/5/2017	Phú Hữu, Long Trường	Tháng 10/2016 Sở GTVT duyệt dự án cầu Ông Nhiêu với diện tích 1,5ha, đến khi triển khai thực hiện được Sở TNMT duyệt bản đồ bồi thường theo BĐVT số 22/HĐ-KQL2-QLDA2 do Trung tâm Đo đạc bản đồ lập được Sở TNMT duyệt ngày 08/5/2017 với diện tích bồi thường là 2,23ha	3,62	ODT DGT	3,62 (DGT)	

QUẬN BÌNH TÂN											
1	Kết nối liên thông Đường 730 và hẻm 413 Lê Văn Quới phường Bình Trị Đông A	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình quận Bình Tân	0,14	0,014	0,05	Bản đồ hiện trạng vị trí do công ty Cổ phần Đo đạc và Xây dựng Việt Quốc lập	Bình Trị Đông A	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 9/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 7597/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 của UBND quận Bình Tân về giao chỉ tiêu vốn kế hoạch cho các công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 - Nguồn vốn Ngân sách quận quản lý.	0,14	ODT DGT	0,14 (DGT)
QUẬN GÒ VẤP											
1	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Công viên Làng Hoa (giai đoạn 2)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình quận Gò Vấp	0,96	0,79	0,96	Thửa 34, 35, 85, Tờ 62	Phường 8	Quyết định số 9004/QĐ-UBND ngày 7/12/2016 của UBND quận Gò Vấp về việc giao kế hoạch vốn phân cấp đợt 1 năm 2017.	0,96		0,96 (DVH)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

DANH MỤC 2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT LÚA DƯỚI 10 HECTA NĂM 2018
(Đính kèm Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)	Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc Văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Diện tích có CMD sử dụng đất lúa, đất rừng (ha)		Diện tích loại đất sau CMD (ha)	
			Dự án	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất	Diện tích	Loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
QUẬN 2													
1	Lô đất số 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Cát Lái cụm II, giai đoạn 1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 2	1,22	Bản đồ hiện trạng vị trí số 09/HĐ-SGRED/14 ngày 11/11/2015 do Công ty CP Phát triển Bất Động Sản Sài Gòn lập	Thạnh Mỹ Lợi	QĐ số 5393/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của UBND thành phố về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/2000 dự án Khu công nghiệp Cát Lái cụm II; CV số 3333/UBND-BBT ngày 22/7/2016 của UBND quận 2 về xác nhận hoàn tất công tác bồi thường giải phóng mặt bằng trong dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cát Lái cụm II, giai đoạn 1	1,18	LUA	0,04	SON	1,18	LUA	1,22 (SKK)

2	Hộ gia đình cá nhân chuyển mục đích đất nông nghiệp		3,75			Các phường		3,75	LUA	3,75	LUA	3,75 (ODT)
QUẬN 7												
1	Chung cư cao tầng	Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Hà	0,53	8	48	Bình Thuận	Công văn số 5851/UBND-ĐT ngày 21/9/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh cục bộ quy hoạch ô phố IV-14 và IV-15 thuộc đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường Bình Thuận, Quận 7.	0,53	LUA, ODT TMD	0,47	LUA	0,53 (ODT)
QUẬN 8												
1	Trung tâm thử nghiệm phía Nam - Lô E - Khu số 15	Cục Đăng kiểm Việt Nam	1,36	Một phần thửa 281, 284, 285, 367, 368, 369, 394	149, 150	7	Công văn chấp thuận chủ trương đầu tư số 2250/UBND-ĐT ngày 19/4/2017 của UBND TP	1,21	0,31 (LUA) 0,19 (ODT) 0,71 (CLN)	0,31	LUA	1,36 (TSC)

QUẬN 9

1	Mở rộng Khu nhà ở Cty KD nhà Phú Nhuận	Cty TNHH MTV Xây dựng và KD nhà Phú Nhuận	0,56	một phần thửa 13, 16	79	Phước Long B	QĐ số 8833/QĐ-UBND ngày 25/12/2001 của UBND TP về QĐ giao đất khu nhà ở. QĐ 56/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của UBND Q9 phê duyệt điều chỉnh chi tiết 1/500 khu nhà ở. Biên bản bồi thường 100% diện tích mở rộng	0,56	LUA	0,56	LUA	0,56 (ODT)
2	Khu nhà ở Cty Hải Nhân	Công ty cổ phần Hải Nhân	5,24	nhiều thửa	4,5	Phước Long B	QĐ số 1953/QĐ-UBND ngày 24/04/2017 của UBND về chấp thuận chủ đầu tư	5,24	LUA 3,50; CLN	3,50	LUA	5,24 (ODT)
3	Dự án xây dựng thao trường huấn luyện, doanh trại đóng quân cho Đội đặc nhiệm - Công an Thành phố	Công an Thành phố Hồ Chí Minh	8,89	nhiều thửa	50,51	Trường Thạnh	CV số 3767/UBND-ĐTMT ngày 14/06/2008 của UBNDTP chấp thuận địa điểm đầu tư. QĐ 4826/QĐ-UBND ngày 16/09/2016 về giao kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2016 (đợt 2) nguồn vốn ngân sách thành phố, nguồn vốn xổ số kiến thiết và nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	8,89	LUA HNK; CLN; SON	4,00	LUA	8,89 (CAN)
4	Chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân		99,10			các phường		99,10	LUA	99,10	LUA	99,1 (ODT)

QUẬN 12											
1	Trạm rác ép kín phùng Tân Thới Nhất	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 12	0,11	Thửa số 1, 7 tờ 41;	Tân Thới Nhất	Quyết định số 6821/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND TP về chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công nhóm C; Quyết định số 7006/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND TP về giao kế hoạch đầu tư công năm 2017	0,11	HNK	0,09	LUA	0,11 (DRA)
2	Trường tiểu học khu tái định cư 38 ha	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 12	0,75	Một phần tờ 33,43	Tân Thới Nhất	QĐ 3525/QĐ-UBND của UBND TP ngày 5/7/2017 về chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công nhóm C.	0,41 0,34	HNK ODT	0,41	LUA	0,75 (DGD)
3	Khu dân cư văn hóa Cựu Chiến Binh thành phố	Công ty TNHH MTV Cựu Chiến Binh và Công ty TNHH XD và KDN Văn Lang	5,42	Một phần tờ bản đồ số 6, 7	Thới An	QĐ 4452/UBND-ĐT ngày 18/7/2017 của UBND TP về chấp thuận chủ trương đầu tư và công nhận công ty TNHH MTV Cựu chiến binh TP HCM làm chủ đầu tư dự án.	5,42	HNK	5,42	LUA	5,42 (ODT)
4	Chung cư Đạt Gia	Công ty TNHH tư vấn và kinh doanh nhà Đạt Gia	1,11	Thửa 83,84,85,86,110, 176,209,210,211 tờ số 27 ; thửa 33,34,35,37, 62,63 tờ số 26	Thới An	QĐ 4769/UBND-ĐT ngày 1/8/2017 của UBND TP về chấp thuận chủ trương đầu tư và công nhận công ty TNHH tư vấn và kinh doanh nhà Đạt Gia làm chủ đầu tư dự án.	1,11	HNK	1,11	LUA	1,11 (ODT)

QUẬN BÌNH TÂN

1	Cải tạo Sông Kinh quận Bình Tân (sông Chùa 2)	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Tân	10,89	Tờ bản đồ số 1, 2, 3, tờ bản đồ số 11 đến 16, 21, 22	Tân Tạo A	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 6/7/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quyết định chủ trương đầu tư và cho ý kiến các dự án đầu tư công	0,48	LUA	0,48	LUA	10,89 (DTL)
							10,41	CLN, NTS, SKC, DGT, ODT, DTS, NTD, DTL			
2	Cải tạo Rạch Đuôi Trâu	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Tân	3,70	Tờ bản đồ số 3, 4, 5, 22, 23	Tân Tạo	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 6/7/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quyết định chủ trương đầu tư và cho ý kiến các dự án đầu tư công	1,64	LUA	1,64	LUA	3,70 (DTL)
							2,06	NTS, DGT, ODT, DTL			
3	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Ngung (Tỉnh lộ 10B - cao tốc Sài Gòn Trung Lương)	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Tân	0,53	Tờ bản đồ số 27, 28, 37	Tân Tạo A	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 6/7/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quyết định chủ trương đầu tư và cho ý kiến các dự án đầu tư công	0,04	LUA	0,04	LUA	0,53 (DGT)
							0,49	CLN, SKC, DTL, ODT, DGT			

4	Nâng cấp, mở rộng đường Số 1 nối dài (đoạn từ đường số 2 đến đường Liên khu 4-5)	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Tân	0,97	Tờ bản đồ số 76, 77, 88, 94, 96	Bình Hưng Hòa B	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 6/7/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quyết định chủ trương đầu tư và cho ý kiến các dự án đầu tư công	0,43	LUA	0,43	LUA	0,97 (DGT)
							0,54	HNK, ODT, DGT			
5	Nâng cấp, mở rộng đường Sông Suối (đoạn từ Cao tốc Sài Gòn Trung Lương đến kênh Tham Lương Bến Cát)	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Tân	1,17	Tờ bản đồ số 3, 23	Tân Tạo	Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 5/7/2017.	0,16	LUA	0,16	LUA	1,17 (DGT)
							1,01	CLN, NTS, SKC, DGD, ODT			
6	Nâng cấp, mở rộng đường Lâm Hoàn	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Tân	0,61	Tờ bản đồ số 11, 14, 16	An Lạc	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 6/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về quyết định chủ trương đầu tư và cho ý kiến các dự án đầu tư công.	0,06	LUA	0,06	LUA	0,61 (DGT)
							0,55	SKC, ODT, DGT			
7	Nâng cấp, mở rộng	Ban quản lý đầu tư	1,01	Tờ bản đồ số 181,	Bình Hưng	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 6/7/2017 của	0,07	LUA	0,07	LUA	1,01 (DGT)

	đường Cây Cám	xây dựng công trình quận Bình Tân		182,184,187,189,190,191	Hòa B	Hội đồng nhân dân thành phố về quyết định chủ trương đầu tư và cho ý kiến các dự án đầu tư công.	0,94	TMD, ODT, NTD, DGT				
8	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Tấn Bê (Đoạn từ đại lộ Đông Tây đến ranh quận 8)	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Tân	1,02	Tờ bản đồ số 112, 113	An Lạc	Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 5/7/2017.	0,04	LUA	0,04	LUA	1,02 (DGT)	
							0,98	SKC, ODT, DGT				
9	Lắp đặt công hộp trên kênh T10	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Tân	4,46	Tờ bản đồ số 56, 57, 58, 59, 60	Tân Tạo A	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 6/7/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quyết định chủ trương đầu tư và cho ý kiến các dự án đầu tư công.	4,46	LUA, CLN, SKC, DTL, ODT, DGT, NTD	0,15	LUA	4,46 (DGT)	
10	Xây dựng trạm ép rác kín 1	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Tân	0,71	Một phần thửa 25, 27, 29, 30, 31	Tân Tạo	Văn bản số 3462/UBND ngày 9/10/2017 của UBND quận Bình Tân về việc quy hoạch mạng lưới trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quận Bình Tân.	0,71	LUA	0,71	LUA	0,71 (DRA)	
11	Nâng cấp, mở rộng đường Bùi Tư Toàn	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Tân	2,27	1,43	Tờ bản đồ số 19,20, 21,24,	An Lạc	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 6/7/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quyết định chủ trương đầu tư và cho ý kiến	0,062,21	LUAS KC, DTT, DTL, ODT,	0,06	LUA	2,27 (DGT)

		Tân			25,26, 29 đến 36		các dự án đầu tư công.		DGT			
12	Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân từ đất trồng lúa sang đất ở tại đô thị		70,00			10 phường		70,00	LUA	70,00	LUA	70,00 (ODT)
QUẬN THỦ ĐỨC												
1	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất LÚA của Hộ gia đình, cá nhân		5,52			10 phường		5,52	LUA	5,52	LUA	5,52 (ODT)
HUYỆN CẦN GIỜ												
1	Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân		361,71					361,71	LUA	361,71	LUA	361,71 (NTS, CLN)
HUYỆN CỬ CHI												

1	Dự án Khu đất đối ứng Đường dọc kênh 8	Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu Đô thị Tây Bắc	104,70	Họa đồ vị trí	Tân An Hội	<p>- QĐ số 3862/QĐ-UBND ngày 18/7/2017 của UBND TPHCM về duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng Đường dọc kênh 8 theo hình thức BT</p> <p>- QĐ số 5754/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND TPHCM về duyệt Danh mục dự án đầu tư theo hình thức BOT và BT trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (đợt 2)</p> <p>- VB số 1775/UBND-DA ngày 03/4/2017 của UBND TPHCM về quỹ đất thanh toán Hợp đồng BT dự án xây dựng đường dọc kênh 8 trong khu Đô thị Tây Bắc</p>	2,00 97,03 0,60 2,87 2,20	LUA CLN ONT DGT DTL	2,00	LUA	104,70 (ODT)
2	Đê bao ven sông Sài Gòn từ rạch Nàng Âm đến Láng The	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nông nghiệp	7,00	bản vẽ do Công ty Cổ phần Tư vấn và xây dựng Việt Thành lập (05 tờ)	Phú Hòa Đông	<p>- QĐ số 216/QĐ-SNN ngày 7/6/2017 của Sở NN&PTNT TPHCM về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Đê bao ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Nàng Âm đến rạch Láng The; -</p> <p>QĐ số 4826/QĐ-UBND ngày 16/9/2016 của UBND TPHCM về giao kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2016 (đợt 2) nguồn vốn ngân sách thành phố, nguồn vốn xổ số kiến thiết và nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).</p>	0,772,0 50,710, 192,201 ,08	LUAH NKCL NONT DGT TL	0,77	LUA	7,00 (DTL)
3	Đê bao ven sông Sài Gòn từ Sông Lu đến rạch Bà Bếp	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nông nghiệp	19,80	Bản đồ vị trí tổng thể (02 tờ)	Phú Hòa Đông, Trung An	<p>- QĐ số 4826/QĐ-UBND ngày 16/9/2016 của UBND TPHCM về giao kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2016 (đợt 2) nguồn vốn ngân sách</p>	0,42 7,96 0,35 9,25 1,82	LUA HNK ONT DGT DTL	0,42	LUA	19,80 (DTL)

						thành phố, nguồn vốn xổ số kiến thiết và nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).					
4	Khu nông nghiệp công nghệ cao	Ban Quản lý Khu nông nghiệp Công nghệ cao	23,83	Bản đồ Hiện trạng vị trí theo hợp đồng số 21415/ĐĐBD-VP12 ngày 27/3/2009 do Trung tâm Đo đạc Bản đồ lập	Phước Vĩnh An	- TB số 1040/TB-VP ngày 06/12/2014 của Văn phòng UBND TPHCM - CV số 2138/UBND-CNN ngày 20/4/2015 của Văn phòng UBND thành phố về ngưng đầu tư dự án "trung tâm Giao dịch và triển lãm nông nghiệp Thành phố" - NQ số 07/NQ-HĐND ngày 21/4/2016 của HĐND TPHCM về cho ý kiến và quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách thành phố	9,57 13,72 0,35 0,17 0,02	LUA HNK CLN DTL ONT	9,57	LUA	23,83 (NKH)
5	Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân		86		các xã, thị trấn		86	LUA	86	LUA	86 (ODT, ONT, CLN, NHK, TMD, SKC)
HUYỆN HÓC MÔN											
1	Xây dựng bến xe buýt Hóc Môn	Trung tâm quản lý và điều hành vận tải hành khách công cộng	1,80	Bản đồ HTVT số 1209/2016/HĐ-TTQLĐHVT ngày 07/11/2016 do Trung tâm tư vấn và thẩm định trắc địa bản đồ lập	Tân Thới Nhì	Quyết định về chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công thuộc nhóm C của TPHCM (đợt 2)	1,80	LUA, CLN, HNK, ONT	1,80	LUA	1,80

2	Nhà máy thực phẩm Tân Hiệp	Hợp tác xã Tân Hiệp	3,27	Bản đồ HTVT số 07/NP/2012 ngày 15/6/2013 do công ty TNHH Nguyễn Phú lập	Tân Hiệp	VB 7106/UBND-ĐTMT ngày 31/12/2013 về chấp thuận địa điểm mở rộng dự án xây dựng nhà máy thực phẩm Tân Hiệp	3,27	LUA	3,27	LUA	3,27
3	Dự án mở rộng Bến xe An Sương	Công ty cổ phần vận tải bến bãi Sài Gòn	4,5	BĐ HTVT số 102799/ĐĐBĐ do CN Trung tâm đo đạc bản đồ HM-CC lập ngày 5/4/2017	Bà Điểm	VB 3460/UBND-ĐTMT của UBNDTP về chủ trương ĐTXD DA mở rộng bến xe An Sương	4,5	LUA, CLN, HNK, ONT	4,5	LUA	4,5
4	Xây dựng cửa hàng xăng dầu	Ông Lê Quang Toàn	0,35		Bà Điểm	Văn bản 1302/UBND-TM ngày 25/3/2016 của UBND thành phố về cho phép đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu tại xã Bà Điểm	0,35	LUA	0,35	LUA	0,35
5	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất lúa của Hộ gia đình, cá nhân		70,00		các xã, thị trấn		70,00	LUA	70,00	LUA	70 (ODT, ONT, CLN, NHK, TMD, SKC)
HUYỆN NHÀ BÈ											
1	Trường Trung học cơ sở Thị trấn	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	1,75	Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Hùng Trứ lập năm 2017	Phú Xuân	QĐ số 4826/QĐ-UBND ngày 16/9/2016 của UBND TP về giao KHV đợt 2.	1,75	LUA, CLN, NTS, SON	1,75	LUA	1,75 (DGD)

2	Cửa hàng xăng dầu	Công ty TNHH Xăng Dầu Xanh	1,65	402, 09 - 11	8	Long Thới	GCNQSDĐ số H02424 cấp ngày 15/4/2003 Văn bản số 7160/SCT-QLTM ngày 25/7/2017 của Sở Công thương về việc xây dựng Cửa hàng xăng dầu tại thửa đất số 402, 09, 10, 11, tờ bản đồ số 8, xã Long Thới, huyện Nhà Bè.	1,65	LUA, CLN, SKC	1,65	LUA	1,65 (TMD)
3	Trạm bán lẻ xăng dầu và gian hàng trưng bày phụ tùng xe	Công ty TNHH Hồng Thu	0,13	Bản đồ HTVT do Công ty TNHH MTV Thiết kế - Đo đạc - Xây dựng Hải Dương lập ngày 02/3/2011		Long Thới	Văn bản số 4404/UBND-ĐT ngày 17/7/2017 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về sử dụng đất thực hiện dự án.	0,13	LUA, TMD	0,13	LUA	0,13 (TMD)
4	Khu dân cư Long Thới - Nhơn Đức (Intresco)	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà (Intresco)	10,48	Bản đồ vị trí để lập thủ tục giao - thuê đất do Công ty cổ phần tư vấn - Đo đạc Cửu Long lập ngày 16/12/2013 theo số hợp đồng 585/ĐĐCL-2013		Nhơn Đức	Văn bản số 4991/UBND-ĐTMT ngày 19/09/2013 của UBND Tp.Hồ Chí Minh về việc chấp thuận cho Cty CP Đầu tư - Kinh doanh Nhà đầu tư dự án Khu dân cư tại xã Long Thới, Nhơn Đức - Nhà Bè Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 29/5/2014 của UBND Tp.Hồ Chí Minh về giao 449.358,1m2 đất cho Cty Cp Đầu tư - Kinh doanh Nhà để đầu tư dự án Khu dân cư tại xã Long Thới, Nhơn Đức - Nhà Bè (giao đất giai đoạn 1)	10,48	LUA, CLN, NTS, SON	7,84	LUA	10,48 (ONT)
5	Chuyên mục đích sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân		130,00			Các xã, thị trấn		130,00	LUA	130,00	LUA	130,00 (CLN, NTS, ONT, ODT)

HUYỆN BÌNH CHÁNH

1	Bệnh viện nội tiết Trung ương thành phố Hồ Chí Minh	Ban quản lý dự án chuyên ngành xây dựng công trình y tế	5,50	Bản vẽ hiện trạng vị trí số 01325/ĐĐBĐ ngày 20/5/2017 do Công ty TNHH Đo đạc Thiết kế Xây dựng Thành Phát lập		Tân Túc	Công văn số 802/UBND-ĐT ngày 21/02/2017 của UBND thành phố HCM về bố trí quỹ đất cho Bộ Y Tế xây dựng Bệnh viện Nội tiết Trung ương tại Thành phố Hồ Chí Minh.	3,44 0,09 0,2 1,77	LUA, DGT, DTL, CLN	3,44	LUA	5,50 (DYT)
2	Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh	Ban quản lý dự án chuyên ngành xây dựng công trình y tế	1,10	một phần tờ số 50		Tân Túc	Công văn số 5333/VP-ĐT ngày 26/4/2017 của UBND Thành phố về bố trí quỹ đất cho Bộ y tế xây dựng Trung tâm pháp y tâm thần khu vực TP.HCM	1,10	LUA, ODT, SON	0,33	LUA	1,10 (DYT)
3	Khu dân cư Thăng Long - Khu 9B10	Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng số 9 (trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần thương mại Xây dựng)	24,79	278, 179, 110, 85, 107, 207, 112, 205	32, 47, 49, 50, 51, 101, 102, 120	Bình Hưng	Quyết định thu hồi và tạm giao đất số 572/QĐ-UB ngày 12/02/2004 của UBND TP; Công văn 2531/UBND-PCNC ngày 13/5/2015 của UBND TP về chấp thuận thu hẹp ranh dự án.	5,13	LUA	5,13	LUA	24,97 (ODT)

4	Khu dân cư Việt Liên Á (Lô số 2, khu 9A-b, khu đô thị mới Nam thành phố)	Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Việt Liên Á (tên cũ Công ty cổ phần Liên Việt Á)	19,21	Các thửa thuộc tờ 2, 9	Bình Hưng	QĐ tạm giao đất số 3172/QĐ-UB ngày 30/6/04 của UBNDTPQĐ điều chỉnh số 668/QĐ-UB 14/02/08 của UBNDTP và QĐ số 2688/QĐ-UBND ngày 23/6/2008 của UBND TP Quyết định đổi tên chủ đầu tư số 6076-QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND TPHCM về thay đổi chủ đầu tư dự án.	6,877,87	LUA, NKH, SON	6,87	LUA	19,21 (ODT)
5	Khu dân cư Hạnh Phúc 11B	Tổng Công ty xây dựng số 1 TNHH Một thành viên	26,04	Các thửa thuộc tờ 11	Bình Hưng	QĐ thu hồi và tạm giao đất số 3208/QĐ-UB ngày 30/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Thông báo số 745/TB-VP ngày 12/9/2017 về thu hẹp ranh dự án.	6,184,95	LUA, ODT, SON	6,18	LUA	26,04 (ODT)
6	Thánh thất An Phú Tây	Thánh thất An Phú Tây	4,24	một phần tờ 172, 174	An Phú Tây	CV số 7041/UBND ký ngày 06/12/2016 của UBND Tp.HCM	4,24	LUA	4,24	LUA	4,24 (TON)
7	Công viên cây xanh nội khu kết hợp với dự án khu nhà ở rạch Bà Tánh	Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà Đại Phúc	1,09	78 tờ 15; 300, 301, 303 tờ 7; rạch tờ 7 và 15	Bình Hưng	VB số 4396/UBND-ĐTMT ngày 29/8/2009 của UBND thành phố; Quyết định số 7593/QĐ-UBND ngày 11/6/2014 của UBND huyện Bình Chánh về duyệt quy hoạch tỷ lệ 1/500; Quyết định giao đất số 699/QĐ-UB ngày 24/02/2004 của UBND Thành phố đối với dự án Khu nhà ở Rạch Bà Tánh	0,7630,16350,1635	ODT, CLN, LUA	0,16	LUA	1,09

8	Khu dân cư Gia Tuệ - lô CT8, TT8, TT10 - Khu số 19	Công ty CP ĐT KD và PT ĐT Ngôi Sao Phương Nam	4,16	Các thửa tờ số 16, 39, 40, 41	16, 39, 40, 41	An Phú Tây	CV 2615/UBND-ĐTMT ngày 10/6/2014 của UBNDTP về cho tiếp tục thực hiện dự án; CV số 6938/UBND-ĐTMT ngày 12/11/2015 của UBND TP thay đổi chủ đầu tư	0,70 3,46	PNN, LUA	3,46	LUA	4,16 (ODT)
9	Khu dân cư Gia Tuệ - lô TT7 - Khu số 19	Công ty CP ĐT KD và PT ĐT Ngôi Sao Phương Nam	0,81	Các thửa tờ số 17, 38	17, 38	An Phú Tây	CV 2615/UBND-ĐTMT ngày 10/6/2014 của UBNDTP về cho tiếp tục thực hiện dự án; CV số 6938/UBND-ĐTMT ngày 12/11/2015 của UBND TP thay đổi chủ đầu tư	0,31, 0,50	PNN, LUA	0,50	LUA	0,81 (ODT)
10	Khu dân cư Gia Tuệ - lô CT17, CT18 - Khu số 19	Công ty CP ĐT KD và PT ĐT Ngôi Sao Phương Nam	10,62	Các thửa tờ số 41, 43, 44	41, 43, 44	An Phú Tây	CV 2615/UBND-ĐTMT ngày 10/6/2014 của UBNDTP về cho tiếp tục thực hiện dự án; CV số 6938/UBND-ĐTMT ngày 12/11/2015 của UBND TP thay đổi chủ đầu tư	2,428,2 0	PNN, LUA	8,20	LUA	10,62 (ODT)
11	Khu dân cư Gia Tuệ - lô TT3 - Khu số 19	Công ty CP ĐT KD và PT ĐT Ngôi Sao Phương Nam	1,38	Các thửa tờ số 17, 18	17, 18	An Phú Tây	CV 2615/UBND-ĐTMT ngày 10/6/2014 của UBNDTP về cho tiếp tục thực hiện dự án; CV số 6938/UBND-ĐTMT ngày 12/11/2015 của UBND TP thay đổi chủ đầu tư	0,28 1,10	PNN, LUA	1,10	LUA	1,37 (ODT)

12	Khu dân cư lô số 1, 2 – Khu 6B	Lựa chọn nhà đầu tư	7,76	Các thửa tờ 92, 96, 141	Tờ 92, 96, 141	An Phú Tây	Công văn số 11556/VP-ĐT ngày 01/9/2017 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về chủ trương thực hiện lựa chọn chủ đầu tư.	3,28 4,48	PNN LUA	4,48	LUA	7,76 (ODT)
13	Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân		25,5			16 xã, thị trấn		25,5	LUA	25,5	LUA	25,5 (ODT)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ DƯỚI 20 HECTA NĂM 2018

(Đính kèm Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố)

ST T	Tên công trình, dự án	Tên chủ đầu tư	Diện tích (ha)	Địa điểm khu đất			Căn cứ pháp lý (Quyết định giao vốn hoặc Văn bản thuận chủ trương đầu tư)	Diện tích loại đất theo hiện trạng (ha)		Diện tích có CMD sử dụng đất lúa, đất rừng (ha)		Diện tích loại đất sau CMD (ha)
			Dự án	Số thửa	Số tờ	Phường, xã, thị trấn		Diện tích	Loại đất	Diện tích	Loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
HUYỆN CẦN GIỜ												
1	Xây dựng đường Thanh Thới - Đồng Đình	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình huyện Cần Giờ	5,66	Tờ số 37, 38, xã Long Hòa, Tiểu khu 21 rừng phòng hộ Cần Giờ	Long Hòa	QĐ số 6607/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBNDTP về giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2016 (đợt 3) nguồn vốn ngân sách thành phố, nguồn vốn xổ số kén thiết, nguồn vốn hỗ trợ phát triển (ODA)	0,32	CLN	3,49	RPH	5,66 (DGT)	
							3,49	RPH				
							0,46	LMU				
							0,05	ONT				
							0,97	SON				

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 35/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2018

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA IX KỲ HỌP THỨ SÁU (Từ ngày 04 đến ngày 07 tháng 12 năm 2017)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2017;

Xét tờ trình số 7423/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2017 và Tờ trình số 7426/UBND-TH ngày 02 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 730/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Hội đồng nhân dân thành phố tán thành báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố năm 2018.

Hội đồng nhân dân thành phố nhấn mạnh một số nội dung như sau:

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2017

Hội đồng nhân dân thành phố đánh giá cao nỗ lực của Ủy ban nhân dân thành phố đã lãnh đạo, chỉ đạo, chủ động sớm ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2017 thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ. Với quyết tâm cao của hệ thống chính trị, sự nỗ lực vượt khó của doanh nghiệp và sự chung sức của các tầng lớp nhân dân, thành phố đã đạt được kết quả quan trọng trên các lĩnh vực trong năm 2017, hoàn thành và vượt 17/20 chỉ tiêu của kế hoạch năm, còn 02 chỉ tiêu chưa đạt (tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa và thành lập mới doanh nghiệp), một chỉ tiêu về tính cạnh tranh của môi trường đầu tư và cải cách hành chính sẽ được đánh giá vào giữa năm 2018. Kinh tế thành phố (GRDP) tăng 8,25% so cùng kỳ (cùng kỳ tăng 8,05%). Cơ cấu kinh tế thành phố tiếp tục tăng dần tỷ trọng các ngành dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng lớn, có lợi thế cạnh tranh; đầu tư nước ngoài tăng mạnh. Thành phố đã đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, khuyến khích khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, từng bước hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp. Thị trường bán lẻ được hiện đại hóa với sự khởi sắc của thương mại điện tử. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 365.700 tỷ đồng, chiếm 35% GRDP, tăng 18%. Thu ngân sách 347.982 tỷ đồng, đạt 100,03% dự toán, tăng 12,94% so cùng kỳ. Công tác quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch ngành, lĩnh vực được triển khai tích cực; tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch đầu tư công xây dựng mới cũng như cải tạo, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội của thành phố, nhất là các công trình giao thông, thoát nước đô thị, giáo dục, y tế. Thực hiện các giải pháp kéo giảm ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông, giảm ngập nước. Tổ chức thành công hội nghị kêu gọi đầu tư biến rác thải thành điện. Công bố đề án xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh. Chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng cao; các lĩnh vực văn hóa, xã hội được chú trọng và đạt nhiều kết quả. Cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành tổ chức các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa thiết thực, có ý nghĩa giáo dục, nhân văn sâu sắc; thực hiện tốt công tác chăm lo, hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách có công, đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em... góp phần đảm bảo an sinh xã hội. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tội phạm hình sự được kéo giảm. Hoạt động đối ngoại đạt nhiều kết quả tích cực, triển khai chu đáo, hiệu quả, toàn diện, gắn kết đầu tư và mở rộng hội nhập, hợp tác với khu vực và thế giới, đặc biệt đã tổ chức thành công Hội nghị Quan chức Cao cấp APEC lần 3, Hội nghị Bộ trưởng các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hoạt động kỷ niệm 55 năm quan hệ ngoại giao và 40 năm ký Hiệp ước hữu nghị hợp tác Việt - Lào. Kỷ niệm 100 năm cách mạng tháng 10 Nga vĩ đại.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố vẫn tồn tại một số hạn chế và thách thức. Chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GRDP) và chỉ tiêu thành lập mới doanh nghiệp chưa đạt kế hoạch đề ra. Tình trạng ùn tắc giao thông, ngập nước, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, an toàn thực phẩm diễn biến phức tạp, chưa có sự cải thiện tích cực, ảnh hưởng đến đời sống người dân và du khách. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp, nhất là tội phạm về ma túy, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tình hình khiếu nại đông người vượt cấp vẫn còn. Tình trạng vi phạm pháp luật trong hoạt động xây dựng gia tăng; tình trạng lấn chiếm bờ sông, kênh rạch chưa được kiểm soát triệt để.

II. Kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2018

Hội đồng nhân dân thành phố cơ bản thống nhất với những nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp đã được Ủy ban nhân dân thành phố trình tại kỳ họp. Trong quá trình chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2018, Ủy ban nhân dân thành phố cần tập trung chỉ đạo, điều hành các nội dung trọng tâm sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung và tích cực triển khai thực hiện 7 Chương trình đột phá thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ thành phố, gắn với thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của kinh tế thành phố gắn với tái cơ cấu kinh tế theo chiều sâu, chất lượng, hiệu quả; cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng; khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp. Tập trung phát triển một số kết cấu hạ tầng trọng điểm gắn với chỉnh trang đô thị, giảm ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông, giảm ngập nước, giảm ô nhiễm môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, chăm lo đời sống nhân dân. Triển khai quyết liệt xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- (1) Tổng sản phẩm nội địa (GRDP) tăng 8,3 - 8,5%.
- (2) Tỷ trọng đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) vào GRDP trên 36%.
- (3) Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 35% GRDP.

- (4) Thu ngân sách đạt 100% dự toán.
- (5) Thành lập mới 46.000 doanh nghiệp (gồm chuyển đổi hộ kinh doanh cá thể).
- (6) Giảm 1% hộ nghèo theo chuẩn Chương trình giảm nghèo bền vững thành phố giai đoạn 2016 - 2020.
- (7) Tạo việc làm mới cho 130.000 lao động.
- (8) Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo nghề đạt 80%.
- (9) Tỷ lệ thất nghiệp đô thị dưới 3,8%.
- (10) Diện tích nhà ở xây dựng mới đạt 8 triệu m².
- (11) Diện tích nhà ở bình quân đầu người 19,1 m²/người.
- (12) Đạt 270 phòng học/10.000 dân trong độ tuổi đi học (từ 3 đến 18 tuổi).
- (13) Đạt 18 bác sỹ/10.000 dân.
- (14) Đạt 42 giường bệnh/10.000 dân, đạt 45,5m² sàn xây dựng/giường bệnh.
- (15) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 85,2%.
- (16) Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt 100%. Tổng lượng khai thác nước dưới đất giảm 31,2% so với năm 2017.
- (17) Tỷ lệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.
- (18) Tỷ lệ xử lý nước thải công nghiệp đạt 95%.
- (19) Tỷ lệ xử lý nước thải y tế đạt 100%.
- (20) Phần đầu nâng cao chỉ số xếp hạng năm 2018 như sau:
 - + Về chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI): vào nhóm 16 địa phương dẫn đầu cả nước
 - + Về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI): vào nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước
 - + Về chỉ số cải cách hành chính (PAR-index): vào nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước

3. Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu

- Tập trung quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng, tiến độ đối với Nghị quyết của Thành ủy và Kế hoạch của Ban Thường vụ Thành ủy về

thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh; trong đó, cần xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cần hoàn thành hàng năm gắn với phân công trách nhiệm cụ thể của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện.

- Tổ chức sơ kết 2,5 năm thực hiện 7 Chương trình đột phá thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X; xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy thực hiện các Nghị quyết chuyên đề Hội nghị lần thứ 5 và lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

Nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của kinh tế thành phố, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích tinh thần khởi nghiệp trong nhân dân, hỗ trợ thành lập doanh nghiệp mới, giải pháp xây dựng mô hình đơn vị sản xuất cơ bản của nông nghiệp thành phố; đề xuất cơ chế vận hành trong tổ chức hoạt động của Trung tâm khởi nghiệp thành phố; tăng cường hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; thực hiện cơ chế một cửa trong cấp giấy chứng nhận đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch chung xây dựng của thành phố theo hướng tăng tỷ lệ đất dành cho công nghiệp và dịch vụ, đất cây xanh, đất giao thông. Đẩy nhanh tiến độ, hỗ trợ triển khai các dự án đầu tư hạ tầng giao thông (vành đai 2, vành đai 3...), trung tâm triển lãm, trung tâm tài chính tầm cỡ quốc tế, giải pháp giảm ngập nước cấp bách, giải pháp khai thác nâng cao năng lực sân bay Tân Sơn Nhất, di dời nhà trên và ven kênh rạch, xây dựng mới, cải tạo chung cư cũ hư hỏng nặng... nhằm chỉnh trang đô thị, giải quyết vấn đề ngập nước, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường, xử lý rác. Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, triển khai phân cấp, ủy quyền; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử. Nâng cao hiệu quả quản lý, chỉ đạo, tổ chức đánh giá sự hài lòng của doanh nghiệp, người dân đối với sự quản lý, điều hành của các cơ quan hành chính cùng với sự tham gia giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên, giảm tình trạng quá tải tại các bệnh viện tuyến trên, đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống của nhân dân; tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, nhất là rà soát kỹ việc xây dựng mới, sửa chữa nhà tình nghĩa nhân kỷ niệm 70 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2017); Triển khai các giải pháp đồng bộ, mạnh mẽ trấn áp tội phạm, đảm bảo giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tăng cường đối thoại trực tiếp, giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân

Tập trung củng cố, kiện toàn, phát huy vai trò hệ thống chính trị ở cơ sở phường, xã, thị trấn và khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân, góp phần xử lý kịp thời tại cơ sở, hạn chế phát sinh các khiếu nại vượt cấp, đông người; phối hợp giải quyết tốt các vụ khiếu kiện đông người, các vụ đình công, không để xảy ra “điểm nóng” về an ninh trật tự trên địa bàn thành phố. triển khai thực hiện chu đáo Kế hoạch kỷ niệm 50 năm cuộc Tổng tiến công nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968; nâng cao chất lượng cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" và phong trào "Vi Thành phố văn minh - sạch đẹp - an toàn", xây dựng môi trường văn hóa đô thị lành mạnh, văn minh, hiện đại, nghĩa tình.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan thông tin, báo chí trong công tác tuyên truyền, vận động; chủ động thông tin kịp thời tình hình phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố; trân trọng lắng nghe, gợi mở, phát huy, nhân rộng sức sáng tạo, sáng kiến của nhân dân qua phong trào thi đua yêu nước, tạo sự đồng thuận xã hội, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ thành phố. Tăng cường quản lý Nhà nước về thông tin, hoạt động báo chí, xuất bản; tiếp tục chấn chỉnh hoạt động của cơ quan báo chí và cơ quan chủ quản báo chí, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; thực hiện nghiêm túc kỷ luật phát ngôn. Phát động mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước sâu rộng trong hệ thống chính trị và nhân dân, vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2018.

III. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch triển khai, tập trung chỉ đạo, điều hành các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp chặt chẽ bảo đảm thực hiện thắng lợi Nghị quyết này.

Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tăng cường hoạt động giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên tăng cường giám sát, phát động các phong trào hành động thiết thực, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết; phát hiện, phản ánh và kiến nghị kịp thời những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung với các cơ quan có thẩm quyền.

Hội đồng nhân dân thành phố kêu gọi đồng bào, cán bộ, chiến sĩ thành phố tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng kiên cường, nêu cao tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo, chung sức quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội của thành phố năm 2018.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng